

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI GIA BẢO AN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI GIA BẢO AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GIA BAO AN TRADING AND SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108325204

3. Ngày thành lập: 14/06/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 4 ngõ 24 đường Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652(Chính)
2.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
3.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
4.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
5.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
6.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
7.	Đúc kim loại màu	2432
8.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
9.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
10.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
11.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
12.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
13.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
14.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
15.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
16.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
17.	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
18.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
19.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
20.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817

21.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
22.	Sản xuất máy luyện kim	2823
23.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
24.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
25.	Đại lý du lịch	7911
26.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
27.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
28.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
29.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
30.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
31.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
32.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
35.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
36.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
37.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
38.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
39.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
40.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
41.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
42.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
43.	Đúc sắt, thép	2431
44.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
45.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
46.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
47.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
48.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
49.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
50.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511

51.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4530
52.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4541
53.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
54.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
55.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
56.	Bán buôn tổng hợp	4690
57.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
58.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Trừ đầu giá)	8299
60.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
61.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
62.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
63.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
64.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
65.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
66.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
67.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
68.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
69.	Sản xuất xe có động cơ	2910
70.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
71.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
72.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
73.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
74.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
75.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
76.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
77.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
78.	Thu gom rác thải độc hại	3812
79.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
81.	Bốc xếp hàng hóa	5224
82.	Quảng cáo	7310

83.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
84.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
85.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
86.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
87.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	4513
88.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
89.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý (Trừ đấu giá)	4610
90.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
91.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
92.	Điều hành tua du lịch	7912
93.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
94.	Sản xuất đồng hồ	2652
95.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
96.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
97.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
98.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
99.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
100.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
101.	Lập trình máy vi tính	6201
102.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
103.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
104.	Xây dựng nhà các loại	4100
105.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
106.	Phá dỡ	4311
107.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
108.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
109.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
110.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
111.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
112.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
113.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
114.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
115.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
116.	Bán buôn đồ uống	4633

117.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
118.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
119.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
120.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
121.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
122.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4543
123.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
124.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
125.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
126.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
127.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
128.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
129.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
130.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
131.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
132.	In ấn	1811
133.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
134.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
135.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
136.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
137.	Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
138.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
139.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
140.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
141.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
142.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
143.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
144.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
145.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
146.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
147.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
148.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
149.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
150.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

151.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
152.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
153.	Xuất bản phần mềm	5820
154.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi	4931
155.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
156.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
157.	Cho thuê xe có động cơ	7710
158.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
159.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
160.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
161.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
162.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
163.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
164.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
165.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
166.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
167.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
168.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN QUỐC CUỒNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 27/09/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 101168021

Ngày cấp: 25/09/2009

Nơi cấp: Công an Tỉnh Quảng Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: T12 K2, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: T12 K2, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN QUỐC CƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/09/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 101168021

Ngày cấp: 25/09/2009

Nơi cấp: Công an Tỉnh Quảng Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: T12 K2, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: T12 K2, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội